|  |  |
| --- | --- |
|  | **CIVIL AVIATION AUTHORITY OF VIET NAM**  **119 Nguyen Son Street, Long Bien District, Ha Noi**  **Socialist Republic of Viet Nam** |

Tel. (84 24) 3827 1353, Fax: (84 24) 3827 1933, E: AvSec@caa.gov.vn; W: www.caa.gov.vn

**QUESTIONAIRE FOR THE ASSESSMENT**

**(COPY FOR AIRCRAFT OPERATOR – PASSENGER)**

Name of operator:

ICAO and IATA Code:

Country/ Territory of registered:

Names of your station airport (s) in Viet Nam:

Name & title of the person who complete the questionaire:

Email:

Tel/ Mobiphone No:

Location:

Date:

**CHECK LIST OF THE DOSSIER FOR APPROVAL OF FOREIGN AIRCRAFT OPERATOR SECURITY PROGRAMME (AOSP)/ DANH MỤC HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN CHƯƠNG TRÌNH AN NINH HÀNG KHÔNG (ANHK) CỦA HÃNG HÀNG KHÔNG NƯỚC NGOÀI**

1. Letter of submission AOSP/ Công văn đề nghị chấp thuận Chương trình ANHK:

1.1. A letter submit the AOSP by the airlines (Annex No. VI, Circular 13/2019/TT-BGTVT date 29 March 2019)/ Công văn trình AOSP của hãng hàng không (Phụ lục số VI, Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29/3/2019): Yes / Có

1.2. Should the submission made by an Vietnamese agent on behalf of the airlines, a power of attorney letter is mandatory/ Văn bản ủy quyền nếu tổ chức Việt Nam thay mặt hãng hàng không trình AOSP:

Yes/ Có  Not applicable/ Không áp dụng

2. A copy of AOSP/ Chương trình ANHK:

2.1. Soft-copy / Bản điện tử

2.2. Hard-copy/ Print-copy/ Bản giấy

Number of Hard-copies submitted/ Số lượng bản giấy:

2.3. Language of the AOSP/ Ngôn ngữ của Chương trình ANHK

- English/ Tiếng Anh  Others language/ Ngôn ngữ khác

- Vietnamese (*translation of Vietnamese language of the AOSP is required*):/ Tiếng Việt (*Yêu cầu phải có bản dịch tiếng Việt Chương trình ANHK*):

Yes/ Có  No/ Không

2.4. AOSP code/ Mã số Chương trình ANHK:

Issue No:/ Số ban hành:

Revision No:/ Số sửa đổi:

Revision date: / Ngày sửa đổi:

Effective date: / Ngày hiệu lực:

3. A copy of ASOP approval by the national aviation security authority where foreign aircraft operator registered/ Văn bản phê chuẩn của Nhà chức trách ANHK nơi hãng đăng ký:

3.1. Full name of approval authority/ Tên đầy đủ của Nhà chức trách ANHK: …………………..

3.2. Number and date of approval / Số và ngày văn bản phê chuẩn: ……………………………..

3.3. A copy of approval is attached/ Văn bản phê chuẩn của Nhà chức trách ANHK đính kèm:

Yes/ Có

English/ Tiếng Anh  Vietnamese/ Tiếng Việt  Others language/ Ngôn ngữ khác

Note/ Ghi chú: Should the approval is in the other language, a translation of English/Vietnamese is required/ Văn bản phê chuẩn là ngôn ngữ khác, yêu cầu bản dịch tiếng Anh hoặc tiếng Việt.

4. A completed assessment questionnaire by foreign airlines to find out differences (if any) between their AOSP and the Viet Nam regulations (this questinonaire)/ Bảng đánh giá của hãng hàng không nước ngoài về những khác biệt (nếu có) giữa Chương trình ANHK của hãng hàng không và quy định của Việt Nam (Bảng câu hỏi này): Yes/ Có

**EVALUATION ON CONTENT OF AOSP WHICH IS DIFFERENT WITH VIETNAM REGULATIONS/ BẢNG ĐÁNH GIÁ NỘI DUNG KHÁC BIỆT CỦA CHƯƠNG TRÌNH ANHK CỦA HÃNG HÀNG KHÔNG NƯỚC NGOÀI VỚI QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM**

# 1. COMMON EVALUATION/ ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ANHK

## 1.1 Contact point of aviation security/ Các đầu mối liên hệ về ANHK

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.........................*

## 1.2 Aviation secutiry organization of the carrier/ Tổ chức, bộ máy ANHK của hãng

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:........................*

## 1.3 Head of Aviation security department of the airlines/ Người đứng đầu chịu trách nhiệm về ANHK của hãng

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.........................*

## 1.4 Designate and inform the Civil Aviation Authority of Viet Nam (CAAV) about the person who directly take comprehensive responsibilities to ensure aviation security (AVSEC) of its operation within Vietnam (Item 4, Article 97/Circular 13)/ Chỉ định người chịu trách nhiệm về ANHK của hãng tại Việt Nam (Khoản 4, [Điều 97/TT 13](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_115_K6))

Full Name/ Họ tên:

Position/ Chức danh:

Contact address/ Địa chỉ liên hệ:

Fixed telephone & Mobiphone No./ Số điện thoại cố định & di động:

Email address / Địa chỉ hộp thư:

## 1.5 Designate and inform the CAAV about the contact person/ representative office of airlines in Vietnam/ Chỉ định đầu mối liên hệ/ văn phòng đại diện của hãng hàng không tại Việt Nam

a) Point of contact (POC):/ Đầu mối liên hệ:

Full Name/ Họ tên:

Position/ Chức danh:

Contact address/ Địa chỉ liên hệ:

Fixed telephone & Mobiphone No./ Số điện thoại cố định & di động:

Email address / Địa chỉ hộp thư:

b) Representative office or branch office of airlines in Vietnam / Văn phòng đại diện hoặc văn phòng chi nhánh của hãng tại Việt Nam

Name and address of airlines’ representative office or branch office / Tên và địa chỉ văn phòng đại diện hoặc văn phòng chi nhánh của hãng hàng không:

Telephone No / Số điện thoại:

Fax No:/ Số fax:

Email address:/ Địa chỉ hộp thư:

## 1.6 The aircraft commander: responsibility and authority/ Người chỉ huy tàu bay: trách nhiệm/quyền hạn

a) When aircraft is in flight, the pilot-in-command shall be responsible for ensuring security, maintaining public order on board the aircraft; authorize to apply measures to prevent, restrain and respond to acts of unlawful interference, acts in violation of regulations on aviation safety assurance, acts of disturbance violating social order and safety, non-compliance with requests and instructions of the flight crew in accordance with law; and hand those who have committed such acts to competent slate agencies when the aircraft lands at the next airport. The pilot-in-command shall be in charge of arranging security supervision and maintaining order on board during flight (Item 3, Article 67/Circular 13)./ Trong thời gian tàu bay đang bay, người chỉ huy tàu bay chịu trách nhiệm bảo đảm ANHK, duy trì trật tự, kỷ luật trên tàu bay; được áp dụng các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn, đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp, vi phạm các quy định về bảo đảm ANHK, hành vi gây rối, vi phạm trật tự kỷ luật, không tuân thủ yêu cầu, hướng dẫn của tổ bay theo quy định pháp luật; tổ chức bàn giao người vi phạm, tang vật và biên bản hoặc báo cáo vi phạm cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi tàu bay hạ cánh tại cảng hàng không, sân bay. Người chỉ huy tàu bay tổ chức việc giám sát ANHK, duy trì trật tự kỷ luật trên tàu bay trong suốt chuyến bay (Khoản 3, Điều 67/TT 13).

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:........................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

b) To take preventive measures to stop any person from committing one of the following acts on board an aircraft during the flight: (Item 3, Article 75 of Vietnam Civil Aviation Law No. 66/2006/QH11 date 29/6/2006 & No. 61/2014/QH13 date 21/11/2014)/ Trong thời gian tàu bay đang bay, được áp dụng các biện pháp ngăn chặn đối với những người thực hiện một trong các hành vi sau đây trong tàu bay (Khoản 3, Điều 75 Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006 & số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014):

i) To commit an offence;/ Phạm tội;

ii) To threaten or jeopardize aviation safety and security;/ Đe doạ, uy hiếp an toàn hàng không, an ninh hàng không;

iii) To make an assault on or threaten the flight crews and passengers;/ Hành hung hoặc đe dọa thành viên tổ bay, hành khách;

iv) Non-compliance with the instructions by the pilot-in-command or the member of the flight crew acting on behalf of the pilot-in-command in ensuring the flight safety, maintaining order and discipline on board the aircraft;/ Không tuân theo sự hướng dẫn của người chỉ huy tàu bay hoặc của thành viên tổ bay thay mặt người chỉ huy tàu bay về việc bảo đảm an toàn cho tàu bay, duy trì trật tự, kỷ luật trong tàu bay;

v) To destroy equipment and property on board an aircraft;/ Phá hoại thiết bị, tài sản trong tàu bay;

vi) To use drugs;/ Sử dụng ma tuý;

vii) To smoke in the lavatory or in prohibited places, which may jeopardize the flight safety;/ Hút thuốc trong buồng vệ sinh hoặc ở những nơi không được phép có khả năng uy hiếp an toàn của tàu bay;

viii) To use portable electronic devices, mobile phones or other electronic equipment during take-off, landing or when prohibited for the flight safety reason;/ Sử dụng thiết bị điện tử xách tay, điện thoại di động hoặc các thiết bị điện tử khác khi tàu bay cất cánh, hạ cánh hoặc khi bị cấm vì an toàn chuyến bay;

ix) Other offenses against the national mores and other public order;/ Các hành vi vi phạm thuần phong, mỹ tục của dân tộc, vi phạm trật tự công cộng khác.

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

c) To hand over such persons as referred to in paragraph 3 (Article 75 of Vietnam Civil Aviation Law) to competent governmental authority after the aircraft has landed at the nearest airport or aerodrome. (Item 4, Article 75 of Vietnam Civil Aviation Law No. 66/2006/QH11 date 29/6/2006 & No. 61/2014/QH13 date 21/11/2014)/ Giao những người thực hiện các hành vi quy định tại khoản 3 (Điều 75 Luật Hàng không dân dụng Việt Nam) cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi tàu bay hạ cánh tại cảng hàng không, sân bay gần nhất (Khoản 4, Điều 75 Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006 & số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014).

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:........................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

**1.7 Crew member: responsibility and authority/ Thành viên tổ bay: Trách nhiệm/quyền hạn**

Crew members shall obey orders and commands of the pilot-in-command; regularly supervise the passenger cabin to promptly detect abnormal behaviors of passengers and notify the pilot-in-command thereof; cooperate with the in-flight security staff in responding to and handling acts of unlawful interference. (Item 4, Article 67/Circular 13)/ Thành viên tổ bay phải tuân thủ mệnh lệnh, sự chỉ huy, điều hành của người chỉ huy tàu bay; thường xuyên quan sát khoang hành khách để kịp thời phát hiện hành vi bất thường của hành khách, thông báo cho người chỉ huy tàu bay biết để xử lý; phối hợp với nhân viên an ninh trên không giải quyết và xử lý các trường hợp tàu bay đang bay bị can thiệp bất hợp pháp (Khoản 4, Điểu 67/TT 13).

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:........................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

## 1.8 Sensitive Security Information document and the issuing, monitoring, providing, supplementing and amending security document (Article 7/Circular 13)/ Kiểm soát chương trình và các thông tin ANHK hạn chế ([Điều 7/TT 13](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_010))

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:........................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

## 1.9 Security Policy Statement/ Chính sách ANHK/ Tuyên bố bảo đảm ANHK

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:........................*

## 1.10 Reporting: policy, mechanism, content and channel for report security matter (not include the incident/accident report) – if any/ Báo cáo: cơ chế, chính sách, kênh báo cáo, các nội dung báo cáo (ngoại trừ các báo cáo sự cố) - nếu có

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:........................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

## 1.11 Your airlines AOSP is developed based on or similar to the ICAO Doc 8973 RESTRICTED Appendix 24. Aircraft operator security programme/ AOSP của hãng được xây dựng trên hoặc tương tự mẫu của ICAO Doc 8973 RESTRICTED Appendix 24

Yes/ Có  No/ Không

# 2. EVALUATION ON PREVENTIVE SECURITY MEASURES/ ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC BIỆN PHÁP AN NINH PHÒNG NGỪA

## 2.1 Control and monitor the security of aircraft, security on flights/ Kiểm soát & giám sát an ninh đối với tàu bay, đảm bảo an ninh trên chuyến bay

2.1.1 Ensuring security of aircraft not in operation/ Bảo đảm an ninh khi tàu bay không khai thác:

Prevention of unauthorized access to aircraft; Security patrols; Preflight precautions/ Ngăn ngừa tiếp cận tàu bay trái phép; tuần tra an ninh; các biện pháp phòng ngừa trước chuyến bay

When aircrafts are not in operation, it must be subject to measures as specified in clause 1 of Article 64 of the Circular 13 and meet the following requirements: (Item 2, Article 64/Circular 13)/ Khi tàu bay không khai thác phải thực hiện các biện pháp quy định tại khoản 1, Điều 64/TT 13 và các yêu cầu sau: (Khoản 2, Điều 64/TT 13)

a) Passenger stairs, aero-bridges conveyor belt and other service vehicles must be removed away from the aircraft; (Point a, Item 2, Article 64/Circular 13)/ Cầu thang, cầu ống dẫn khách, băng chuyền và các phương tiện phục vụ khác phải được di dời khỏi tàu bay; (Điểm a, Khoản 2, Điều 64/TT 13)

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:........................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

b) Aircraft operators shall be responsible for closing and locking their aircrafts doors; sealing aircraft door; aircraft parking at apron must be under night lighting system. (Point b, Item 2, Article 64/Circular 13)/ Người khai thác tàu bay chịu trách nhiệm đóng, khoá cửa tàu bay; niêm phong cửa tàu bay; tàu bay đỗ ban đêm phải được chiếu sáng. (Điểm b, Khoản 2, Điều 64/TT 13)

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:........................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

2.1.2 Ensuring security of aircraft in operation/ Bảo đảm an ninh khi tàu bay đang khai thác:

Pre-flight security check (Article 65/Circular 13)/ Kiểm tra an ninh trước chuyến bay (Điều 65/TT 13)

a) Before or after embarkation and disembarkation of passengers, baggage, cargo, parcels, courier and mail, air carriers shall carry out security check of the aircraft in order to detect dangerous items or any persons hidden in the aircraft. Air carriers shall have to provideprocedures and process of security check in their AOSP. (Item 1, Article 65/Circular 13)/ Trước khi tiếp nhận hành khách, hành lý, hàng hoá, bưu gửi lên tàu bay và sau khi hành khách, hành lý, hàng hoá, bưu gửi xuống hết khỏi tàu bay, người khai thác tàu bay phải kiểm tra ANHK tàu bay theo danh mục của từng loại tàu bay nhằm phát hiện các vật phẩm nguy hiểm có thể được cất giấu hoặc người trốn trên tàu bay. Người khai thác tàu bay phải quy định chi tiết quy trình, thủ tục kiểm tra ANHK tàu bay trong Chương trình ANHK của hãng hàng không. (Khoản 1, Điều 65/TT 13)

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:........................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

b) The securitycheck and search of aircraft shall be conducted according to security checklist. Each aircraft must have a checklist, the content of checklist must be regulated in AOSP of the air carriers. (Item 2, Article 65/Circular 13)/ Kiểm tra, lục soát an ninh tàu bay phải được tiến hành theo danh mục. Trên mỗi tàu bay phải có danh mục kiểm tra ANHK, lục soát an ninh tàu bay và nội dung danh mục kiểm tra ANHK phải được quy định trong Chương trình ANHK của hãng hàng không. (Khoản 2, Điều 65/TT 13)

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:........................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

c) Aircraft parking at apron must be protected by appropriate measures to detect, prevent from the illegal approach of person, vehicle for in/out carriage of items to aircraft. (Item 1, Article 64 / Circular 13)/ Tàu bay đỗ tại sân đỗ tàu bay phải được bảo vệ bằng các biện pháp thích hợp nhằm phát hiện, ngăn chặn người, phương tiện tiếp cận, đưa đồ vật lên, xuống hoặc để lại trên tàu bay một cách trái phép. (Khoản 1, Điều 64/TT 13)

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:........................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

d) Aircrafts are in operation, it must be subject to measures as specified in clause 1 of Article 64 of the Circular 13 and meet the following requirements: (Item 3, Article 64/Circular 13)/ Tàu bay đang khai thác phải thực hiện các biện pháp quy định tại khoản 1, Điều 64/TT 13 và các yêu cầu sau: (Khoản 3, [Điều 64/TT 13](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_067))

(i) Being under security surveillance continuously or its doors must be closed, locked, and sealed; (Point a, Item 3, Articale 64/Circular 13)/ Được giám sát ANHK liên tục hoặc được đóng, khóa, niêm phong cửa tàu bay; (Điểm a, Khoản 3, Điều 64/TT 13)

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:........................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

(ii) Aircraft operators shall be responsible for organizing the control of persons, items in/out aircraft. (Point b, Item 3, Article 64/Circular 13)/ Người khai thác tàu bay chịu trách nhiệm tổ chức kiểm soát người, đồ vật lên, xuống tàu bay. (Điểm b, [Khoản 3, Điều 64/TT 13](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_067_K3))

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:........................*

*Who is responsible/ Người thực hiện:.............................................................................................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

e) Access control and flight crew compartment protection (Article 66/Circular 13)/ Kiểm soát tiếp cận tàu bay và bảo vệ khoang lái ([Điều 66/TT 13](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_069))

Who are allowed to access and boarding?/ Các trường hợp của hãng được phép tiếp cận và lên tàu bay?

***Please enumerate***: ..........................................................................................................................

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.........................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

**2.1.3**Cockpit protection (Article 66/Circular 13)/ **Bảo vệ buồng lái(**[Điều 66/TT 13](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_069))

a) When aircraft is in flight, the its cockpit doors shall be locked from the inside and a discreet communication means between cabin attendants and cockpit crew shall be used to detect suspicious or threatening signs related to security in the passenger cabin. (Item 1, Article 66/Circular 13)/ Trong thời gian tàu bay đang bay, cửa buồng lái phải được khoá từ bên trong và có phương thức trao đổi thông tin bí mật giữa tiếp viên với tổ lái khi phát hiện nghi ngờ hoặc có dấu hiệu uy hiếp ANHK trong khoang hành khách. (Khoản 1, [Điều 66/TT 13](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_069)**)**

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:........................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

b) An aircraft with a maximum take-off weight of 45,500 kg or the aircraft with a capacity of 60 or more passengers must be met the following requirements: The cockpit door of aircraft shall be designed to be protected from small-arms; projectiles or the fragments or debris of a hand grenade and to prevent unauthorized and forcible entry; and there shall be equipment to allow cockpit crew to monitor entirely the area immediately adjacent to the cockpit door in order to be able to recognize the persons requesting entry into the cockpit and to detect suspected acts or potential threats. (Item 2, Article 66/Circular 13)/ Tàu bay có trọng lượng cất cánh tối đa từ 45.500 kilôgam trở lên hoặc có sức chở từ 60 hành khách trở lên phải đáp ứng các yêu cầu sau đây: Cửa buồng lái tàu bay có khả năng chống lại vũ khí hạng nhẹ, mảnh lựu đạn hoặc việc sử dụng vũ lực để vào buồng lái trái phép; Có trang bị, thiết bị để tổ lái giám sát toàn bộ khu vực bên ngoài cửa buồng lái tàu bay nhằm nhận biết những người có yêu cầu vào buồng lái, phát hiện những hành vi nghi ngờ hoặc nguy cơ đe dọa tiềm ẩn. ([Khoản](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_069_K2) 2, [Điều 66/TT 13](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc)**)**

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

c) Air carriers shall ensure that none is authorized to access the cockpit after closing all aircraft doors until being opened for passenger disembarkation except the following subjects being agreed by the pilot-in-command: (Item 3, Article 66/Circular 13)/ Người khai thác tàu bay phải đảm bảo sau khi các cửa của tàu bay được đóng để khởi hành, không ai được phép vào buồng lái cho đến khi các cửa của tàu bay được mở ra để hành khách rời khỏi tàu bay ngoại trừ những đối tượng sau đây nếu Người chỉ huy tàu bay đồng ý: ([Khoản](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_069_K2) 3, [Điều 66/TT 13](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc)**)**

(i) Crewmember on duty;/ Thành viên tổ bay đang làm nhiệm vụ;

(ii) Persons authorized by air carriers;/ Người được người khai thác tàu bay cho phép;

(iii) Persons authorized to access the cockpit in according to applicable law./ Người được phép vào buồng lái theo quy định của pháp luật.

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

d) Flight crewmembers are not allowed to leave the cockpit until being approved by the pilot-in-command; there must be at least 2 pilots in the cockpit. In the circumstance of only one, there must be one flight attendance in the cockpit with such pilot. (Item 4, Article 66/Circular 13)/ Thành viên tổ lái không được phép rời buồng lái khi chưa được người chỉ huy tàu bay cho phép; trong buồng lái phải luôn có mặt 02 người là thành viên tổ lái. Trong trường hợp bất khả kháng, chỉ có 01 thành viên tổ lái thì bắt buộc phải có mặt thêm 01 tiếp viên. ([Khoản](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_069_K2) 4, [Điều 66/TT 13](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc)**)**

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

2.1.4 Deploying in-flight security officer (sky marshal)/ Bố trí Nhân viên an ninh trên không

a) In-flight security officer (sky marshal): means a person that is authorized by the Government of the country of the aircraft operator and Government of the country where the aircraft is registered to perform his/her duties for the purpose of protecting the aircraft and passengers from acts of unlawful interference. (Item 26, Aiticle 3/Circular 13)/ Nhân viên an ninh trên không: là người được Chính phủ của quốc gia khai thác tàu bay và Chính phủ của quốc gia đăng ký tàu bay ủy quyền, bố trí làm nhiệm vụ trên tàu bay với mục đích bảo vệ tàu bay và hành khách chống lại hành vi can thiệp bất hợp pháp. (Khoản 26, Điều 3/TT 13).

The Civil Aviation Authority of Viet Nam (CAAV) shall be in charge of cooperating with affiliates of the Ministry of Public Security, foreign competent authorities and airlines in deploying in-flight aviation security staff. (Item 5, Aiticle 67/Circular 13)/ Cục Hàng không Việt Nam là đầu mối phối hợp với các cơ quan, đơn vị của Bộ Công an, nhà chức trách có thẩm quyền của nước ngoài và các hãng hàng không trong việc bố trí nhân viên an ninh trên không đi trên các chuyến bay. (Khoản 5, Điều 67/TT 13)

Point of contact of CAAV for deploying: Department of Aviation Security/ Đầu mối liên hệ của Cục Hàng không Việt Nam để triển khai: Phòng An ninh hàng không

- Full Name/ Họ tên: Mr. To Tu Hung / Director, Department of Aviation Security./ Ông Tô Tử Hùng, Trưởng Phòng An ninh hàng không.

- Mob: +84 983 299 992; Tel: (84 24) 3872 2396; Fax: (84 24) 38271353 / (84 24) 3827 1933

- Email address / Địa chỉ hộp thư: totuhung@caa.gov.vn; AvSec@caa.gov.vn

- Contact address/ Địa chỉ liên hệ: No. 119 Nguyen Son Street, Long Bien District, Ha Noi 10000, Viet Nam/ Số 119 Nguyễn Sơn, quận Long Biên, Hà Nội 10000, Việt Nam.

b) Is there a regulation of in-flight security officer (sky marshal) in AOSP?/ Chương trình ANHK của hãng có quy định về cảnh vệ trên không hay không?

*Yes / Có:  No / Không:*

c) If yes, which must be complied with the agreement between CAAV and the aviation authorities of the countries concerned. (Article 15/ Decree 92/2015/ND-CP date 13/10/2015)/ Nếu có, phải được thực hiện theo văn bản thỏa thuận giữa Cục Hàng không Việt Nam và nhà chức trách hàng không của quốc gia liên quan. (Điều 15/ Nghị định 92/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015)

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

(i) Point of contact of aviation authorities of the countries concerned for deploying:/ Đầu mối liên hệ của Nhà chức trách hàng không quốc gia liên quan để triển khai:

*Yes / Có:  No / Không:*

- Full Name/ Họ tên:

- Position/ Chức danh:

- Mob, Fixed telephone & Fax No./ Số điện thoại di động, cố định và fax:

- Email address / Địa chỉ hộp thư:

- Contact address/ Địa chỉ liên hệ:

(ii) Point of contact of airlines for deploying:/ Đầu mối liên hệ của hãng hàng không để triển khai:

*Yes / Có:  No / Không:*

- Full Name/ Họ tên:

- Position/ Chức danh:

- Mob, Fixed telephone & Fax No./ Số điện thoại di động, cố định và fax:

- Email address / Địa chỉ hộp thư:

- Contact address/ Địa chỉ liên hệ:

## 2.2 Control and monitor the security of crewmembers, passengers and cabin baggage/ Kiểm soát & giám sát an ninh đối với thành viên tổ bay, hành khách và hành lý xách tay

2.2.1 Control and security monitoring for flight crew (Article 43/Circular 13)/ **Kiểm tra, giám sát** ANHK **đối với thành viên tổ bay (**[Điều 43/TT 13](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_046)**)**

a) Aircraft operators shall provide list of crewmembers to AVSEC force before security check processing. Crewmembers shall wear company uniform according to the aircraft operator’s regulations, pack their baggage by themselves and are only permitted to bring baggage in compliance with the provisions at Item 4, Article 43 of Circular 13. (Item 1, Article 43/Circular 13)/ Người khai thác tàu bay phải cung cấp danh sách tổ bay cho lực lượng kiểm soát ANHK trước khi tổ bay làm thủ tục kiểm tra ANHK. Tổ bay phải mặc trang phục theo quy định, tự đóng gói hành lý và chỉ được phép mang hành lý theo quy định tại khoản 4, Điều 43/TT 13. (Khoản 1, Điều 43/TT 13)

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

b) Crewmembers shall present their crewmember cardsatsecurity checkpoints. The security staff shall check their badges, compare with the list of crewmembers provided by the aircraft operator. (Item 2, Article 43/Circular 13)/ Thành viên tổ bay phải xuất trình thẻ nhận dạng tổ bay tại điểm kiểm tra ANHK. Nhân viên kiểm soát ANHK kiểm tra, đối chiếu danh sách tổ bay của chuyến bay do người khai thác tàu bay cung cấp với thẻ nhận dạng tổ bay. (Khoản 2, Điều 43/TT 13)

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

c) The security screening, supervision, search of crewmembers and their baggage shall be carried out in the same manner as departure passengers and their baggage. (Item 3, Article 43/Circular 13)/ Việc soi chiếu, giám sát, lục soát an ninh đối với thành viên tổ bay và hành lý của họ được thực hiện như đối với hành khách, hành lý xách tay của hành khách xuất phát. (Khoản 3, Điều 43/TT 13)

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

d) Airlines shall stipulate in details the security check of baggage and items of crewmembers in their AOSP. (Item 4, Article 43/Circular 13)/ Hãng hàng không quy định chi tiết việc kiểm soát hành lý, đồ vật của tổ bay khi lên tàu bay trong Chương trình ANHK của hãng hàng không. (Khoản 4, Điều 43/TT 13)

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

e) Aviation security procedures for departure crewmembers and their baggage shall be stipulated in details in aviation security programme of the providing the aviation security assuarance services unit (Item 5, Article 43/Circular 13)/ Quy trình kiểm tra an ninh đối với tổ bay và hành lý xách tay xuất phát phải được quy định chi tiết trong quy chế ANHK của đơn vị cung cấp dịch vụ bảo đảm ANHK (Khoản 5, Điều 43/TT 13)

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

*Name of unit is responsible/ Tên của đơn vị chịu trách nhiệm thực hiện:…………………………*..

f) Foreign air carrier shall inform the template of crew ID card to airport authority, AVSEC force of place of operation for supervision. (Item 7, Article 11/Circular 13)/ Hãng hàng không nước ngoài phải thông báo mẫu thẻ nhận dạng tổ bay cho Cảng vụ hàng không, lực lượng kiểm soát ANHK nơi hãng hàng không khai thác để giám sát. (Khoản 7, Điều 11/TT 13**)**

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

2.2.2 Travel documents / Giấy tờ đi tàu bay

a) When passengers check in for international flights, they must show their passport or Laissez- Passer or other documents of validity in entrance and exit under the provisions of the law such as visa apart from passport, permanent residence permit, temporary residence permit … (hereinafter referred to passport). (Annex XIV/Circular 13)/ Hành khách khi làm thủ tục đi tàu bay trên các chuyến bay quốc tế phải xuất trình hộ chiếu hoặc giấy thông hành hoặc giấy tờ khác có giá trị xuất, nhập cảnh theo quy định của pháp luật như thị thực rời, thẻ thường trú, thẻ tạm trú…(sau đây gọi chung là giấy tờ có giá trị xuất, nhập cảnh theo quy định). (Phụ lục XIV/TT 13)

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

b) Air carrier shall only agree to transport and boarding when have boarding pass and personal document as regulated at Annex XIV of Circular 13/2019/TT-BGTVT and being security checked; their check baggage shall be proceed in separated procedures, not accept group handling. Before allowing passengers on board; aviation personnel shall check and compare personal documents with boarding pass to make sure same person to be on board. (Item 1, Article 41/Circular 13)/ **Hãng hàng không chỉ được phép chấp nhận vận chuyển và cho hành khách lên tàu bay khi hành khách có thẻ lên tàu bay và giấy tờ về nhân thân theo quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư 13/2019/TT-BGTVT và đã được kiểm tra ANHK; hành lý ký gửi của từng hành khách phải làm thủ tục chấp nhận riêng, không làm chung cho nhiều người. Trước khi cho hành khách lên tàu bay, nhân viên làm thủ tục phải kiểm tra, đối chiếu hành khách với giấy tờ về nhân thân và thẻ lên tàu bay để bảo đảm sự trùng khớp của hành khách với giấy tờ và chuyến bay. (Khoản 1,** [Điều 41/TT 13](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_044)**)**

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

c) In case that transit passengers or passengers having a domestic stop are retained on board aircraft, that aircraft shall be put under the continuous supervision until departure by camera system or by AVSEC personnel or by two methods, do not disembark passengers. (Item 1, Article 42/Circular 13)/ **Trường hợp hành khách quá cảnh, tạm dừng nội địa ở lại trên tàu bay, tàu bay đó phải được giám sát liên tục bằngca-me-ra giám sát an ninh hoặc do nhân viên kiểm soát ANHK trực tiếp giám sát hoặc cả hai biện pháp cho tới khi xuất phát, không cho phép hành khách xuống khỏi tàu bay. (Khoản 1,** [Điều 42/TT 13](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_045)**)**

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

d) Transit or transfer passengers and passengers having a domestic stop when disembarking shall have to pick up their baggage, not be left onboard aircraft. (Item 2, Article 42/Circular 13)/ **Hành khách nối chuyến, quá cảnh, tạm dừng nội địa xuống khỏi tàu bay phải mang theo đồ vật cá nhân, hành lý xách tay, không được để lại trên tàu bay. (Khoản 2,** [Điều 42/TT 13](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_045)**)**

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

e) The aircraft operator shall be responsible for inspection to ensure that when transit or transfer passengers and passengers having a domestic stop disembarking, they do not left any personnel items, hand baggage on board aircraft. (Item 3, Article 42/Circular 13)/ Người khai thác tàu bay chịu trách nhiệm kiểm tra để bảo đảm đồ vật cá nhân, hành lý xách tay của hành khách nối chuyến, quá cảnh, tạm dừng nội địa xuống khỏi tàu bay, không để lại trên tàu bay. **(Khoản 3,** Điều 42/TT 13**)**

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

f) Transit or transfer passengers or passengers having a domestic stop and their hand baggage shall go through security check and screening as departure passengers; they shall be exempted from security check and screening if they are: (Item 4, Article 42/Circular 13)/ Hành khách nối chuyến, quá cảnh, tạm dừng nội địa và hành lý xách tay phải được kiểm tra ANHK bằng biện pháp soi chiếu như hành khách xuất phát trước khi lên lại tàu bay, trừ trường hợp đáp ứng các yêu cầu sau đây: **(Khoản 4,** [Điều 42/TT 13](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_045)**)**

(i) Passenger is attached with transit/ transfer tag; (Point a, Item 4, Article 42/Circular 13)/ Hành khách được dán thẻ hành khách tạm dừng, nối chuyến, quá cảnh; (Điểm a, **Khoản 4,** [Điều 42/TT 13](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_045))

(ii) As from the time of being disembarked, passenger who do not get out of the restricted areas and be put under the continuous security supervision. (Point b, Item 4, Article 42/Circular 13)/ Từ lúc xuống khỏi tàu bay, hành khách không ra khỏi khu vực hạn chế hoặc được giám sát an ninh liên tục. (Điểm b, **Khoản 4,** [Điều 42/TT 13](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_045))

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

g) Aviation security procedures for transit or transfer passengers or passengers having a domestic stop and their hand baggage shall be stipulated in details in aviation security programme of the providing the aviation security assuarance services unit. (Item5, Article 42/ Circular 13)/ Quy trình kiểm tra, giám sát an ninh đối với hành khách và hành lý xách tay quá cảnh, nối chuyến, tạm dừng nội địa phải được quy định chi tiết trong quy chế an ANHK của đơn vị cung cấp dịch vụ bảo đảm ANHK. (Khoản 5, Điều 42/ TT 13)

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

*Name of unit is responsible/ Tên của đơn vị chịu trách nhiệm thực hiện: …………………………*

2.2.3 To compare the total number of passengers was issued boarding pass with actual passengers on aircraft: (Article 67/Circular 13)/ Đối chiếu tổng số hành khách đã được cấp thẻ lên tàu bay với tổng số hành khách thực có trên tàu bay: ([Điều 67/TT 13](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_070))

**a)** During boarding time, the air carrier shall be responsible to check and compare travel documents with passenger’s boarding pass to ensure that the passenger is boarding exactly flight. The detailed measure of checking shall be specified in AOSP of air carrier. (Item 1, Article 67/Circular 13)/ **Khi hành khách lên tàu bay, hãng hàng không chịu trách nhiệm tổ chức kiểm tra,** đối chiếu giấy tờ **về nhân thân**, thẻ lên tàu bay của hành khách **để đảm bảo đúng người, đúng chuyến bay. Biện pháp kiểm tra phải được quy định chi tiết trong Chương trình ANHK của hãng hàng không. (Khoản 1, Điều 67/TT 13)**

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/Nội dung khác biệt:*

b) Before the flight departure, the pilot-in-command shall be responsible to compare the number of passengers who have boarding passes with that of passengers who are already on boardby appropriate measure. In the case of inconsistency, the aircraft is only allowed to depart when relevant reasons are identified. (Item 2, Article 67/Circular 13)/ Trước khi cho tàu bay khởi hành, người chỉ huy tàu bay phải có trách nhiệm tổ chức đối chiếu tổng số hành khách đã được cấp thẻ lên tàu bay với tổng số hành khách thực có trên tàu bay bằng biện pháp thích hợp; nếu không có sự trùng khớp phải làm rõ lý do mới được phép khởi hành. **(Khoản 2, Điều 67/TT 13)**.

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

## 2.3 Control and monitor of the checked baggage/ Kiểm soát & giám sát an ninh đối với hành lý ký gửi

2.3.1 Passenger and baggage reconciliation/ Đồng bộ hành khách và hành lý

a) Check-in personnel shall have to request passenger to identify their baggage prior proceed check-in procedures, do not proceed procedures in group. (Item 1, Article 44/Circular 13)/ Nhân viên làm thủ tục vận chuyển phải yêu cầu từng hành khách xác định đúng hành lý ký gửi của mình mới được phép làm thủ tục vận chuyển, không làm thủ tục nhóm. (Khoản 1, [Điều 44/TT 13](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_047))

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

b) In case of any suspicion, they shall have to inform security staff for additional check (Item 1, Article 44/Circular 13)/ Trường hợp thấy có dấu hiệu nghi vấn phải thông báo cho nhân viên kiểm soát ANHK để tăng cường kiểm tra. (Khoản 1, [Điều 44/TT 13](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_047))

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

c) Originating/ departure passengers’ checked baggage, shall be subjected to X-ray inspection; if any suspicion found, manual check, explosive detectors or other appropriate measures shall be applied. If any unusual signs or information of threatening to security and safety of flight,checked baggage must be searched. (Item 2, Article 44/Circular 13)/ Hành lý ký gửi của hành khách xuất phát, nối chuyến phải được kiểm tra ANHK bằng máy soi tia X; nếu có nghi vấn phải được tiếp tục kiểm tra trực quan, bằng dụng cụ, thiết bị phát hiện chất nổ hoặc các biện pháp thích hợp khác. Trường hợp có dấu hiệu hoặc có thông tin đe dọa liên quan đến an ninh, an toàn của chuyến bay thì hành lý ký gửi phải được lục soát ANHK. (Khoản 2, [Điều 44/TT 13](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_047))

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

d) Manual check of originating/ departure passengers’ checked baggage must be performed with the presentation of its owner or his legal representative or airlines representatives exception of emergency cases (Item 5, Article 44/Circular 13)/ Kiểm tra trực quan đối với hành lý ký gửi của hành khách được thực hiện với sự có mặt của chủ sở hữu hành lý đó hoặc người đại diện hợp pháp của họ hoặc đại diện hãng hàng không vận chuyển, trừ trường hợp khẩn nguy. (Khoản 5, [Điều 44/TT 13](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_047))

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

2.3.2 Mishandled baggage (Article 47/Circular 13)/ Hành lý ký gửi thất lạc ([Điều 47/TT 13](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_050))

a) Air carrier, ground handling services providers shall be responsible for store and record mishandled baggage, unclaimed baggage including quantity,weight,destination, number flight and handling measures. (Item 2, Article 47/Circular 13)/ Hãng hàng không, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ phục vụ hành khách, hành lý có trách nhiệm lưu giữ và lập hồ sơ theo dõi hành lý thất lạc, hành lý không có người nhận, phải ghi rõ số lượng, trọng lượng, chuyến bay, đường bay và các biện pháp giải quyết. (Khoản 2, [Điều 47/TT 13](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_050))

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

b) Mishandled baggage, unclaimed baggage shall be subject to security screening and security seals before taken on storage area, and before loaded onto aircraft. (Item 2, Article 47/Circular 13)/ Hành lý thất lạc, hành lý không có người nhận phải được kiểm tra ANHK bằng biện pháp soi chiếu và niêm phong an ninh trước khi đưa vào khu vực lưu giữ và trước khi được đưa lên tàu bay. (Khoản 2, [Điều 47/TT 13](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_050))

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

* + 1. Baggage of each passenger must be transported with passenger on the same flight, except cases specified in clause 2 Article 149 of Vietnam Civil Aviation Law. (Item 1, Article 46/Circular 13)/ Hành lý của mỗi hành khách phải được vận chuyển cùng với hành khách trên một chuyến bay trừ trường hợp quy định tại khoản 2 [Điều 149](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Luật%20HKDDVN%20(bản%20hợp%20nhất).doc#Điều_149) Luật Hàng không dân dụng Việt Nam. (Khoản 1, [Điều 46/TT 13](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_049))

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/Nội dung khác biệt:*

* + 1. Air carrier or aircraft operator shall have to ensure that: (Article 46/Circular 13)/ Hãng hàng không hoặc người khai thác tàu bay phải bảo đảm: ([Điều 46/TT 13](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_049))

a) Every checked baggage shall be attached with baggage tag including information on flight number, date and code; (Point a, Item 2, Article 46/ Circular 13)/ Mỗi kiện hành lý ký gửi phải có thẻ hành lý ghi rõ số chuyến bay, ngày, tháng, năm và mã số của kiện hành lý; (Điểm a, Khoản 2, Điều 46/TT 13);

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

b) To make a list of checked baggage and compare with the pre-flight Passenger Manifest; (Point b, Item 2, Article 46/ Circular 13)/ Trước chuyến bay, lập bảng kê hành lý ký gửi và thực hiện đối chiếu hành lý ký gửi với danh sách hành khách của chuyến bay; (Điểm b, Khoản 2, Điều 46/TT 13);

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

c) Sign the list of checked baggage loaded onto aircraft. (Point c, Item 2, Article 46/ Circular 13)/ Ký bảng kê danh mục hành lý ký gửi đã chất xếp lên tàu bay. (Điểm c, Khoản 2, Điều 46/TT 13).

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

2.3.5 Air carriers shall be responsible to ensure that the entire of passengers baggage shall be disembarked before departure of aircraft in case that these passengers having boarding pass but do not take the flight or continue their journey. (Item 3, Article 46/Circular 13)/ Trong trường hợp hành khách đã được cấp thẻ lên tàu bay nhưng không có mặt để thực hiện chuyến bay, hãng hàng không có trách nhiệm đảm bảo tất cả hành lý của hành khách đó phải được đưa xuống tàu bay trước khi cho tàu bay khởi hành. (Khoản 3, [Điều 46/TT 13](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_049))

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

## 2.4 Control and monitor the security of cargo, mail, postal matters and parcels/ Kiểm soát & giám sát an ninh đối với hàng hóa, bưu gửi

2.4.1 Departure cargo, mail, postal matters and parcels shall be security screened 100% by the X-ray machine. (Item 3, Article 50/Circular 13)/ Hàng hóa, bưu gửi xuất phát phải được kiểm tra ANHK bằng biện pháp soi chiếu 100%. (Khoản 3, [Điều 50/TT 13](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_053))

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

2.4.2 If any suspicion found, manual check or other appropriate measures shall be applied. Manual check shall be conducted with the presentation of the owner or their legal representative or representative of air carrier concerned. If any unusual signs of threatening to security, safety of flights, cargo, parcels must be subjected to security search. (Item 3, Article 50/Circular 13)/ Trường hợp có nghi vấn phải tiếp tục kiểm tra trực quan hoặc các biện pháp thích hợp khác. Việc kiểm tra trực quan được thực hiện với sự có mặt của chủ sở hữu hoặc người đại diện hợp pháp hoặc đại diện hãng hàng không vận chuyển. Trường hợp có dấu hiệu hoặc có thông tin đe dọa liên quan đến an ninh, an toàn của chuyến bay thì hàng hoá, bưu gửi phải được lục soát ANHK. (Khoản 3, Điều 50/TT 13).

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

2.4.3 In case thescreened depature cargo, mail and postal matters and parcels are transported through public areas to aircraft, the transport means shall be escorted or put under security surveillance continuously in order to prevent the unauthorized introduction of dangerous items. (Item 5, Article 50/ Circular 13)/ Hàng hoá, bưu gửi xuất phát đã được kiểm tra ANHK mà phải vận chuyển qua các khu vực công cộng để ra tàu bay, phương tiện vận chuyển phải có người hộ tống hoặc có biện pháp giám sát thích hợp liên tục trong quá trình vận chuyển để ngăn ngừa việc đưa trái phép vật phẩm nguy hiểm vào hàng hóa, bưu gửi. (Khoản 5, Điều 50/TT 13)

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

2.4.4 Transit/ transfer cargo, mail and postal matters and parcels must be applied with security screening, supervision in the same manner as departure ones, except cases stipulated in item 7, Article 50 of Circular 13. (Item 6, Article 50/ Circular 13)/ Hàng hóa, bưu gửi quá cảnh, trung chuyển phải được soi chiếu, giám sát ANHK như hàng hoá, bưu gửi xuất phát, trừ quy định tại khoản 7 Điều 50/TT 13. (Khoản 6, Điều 50/TT 13)

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

2.4.5 Transit/ transfer cargo, mail and postal matters and parcels carried in passenger flight shall be exempted from security check whenever confirmed in written or with security seals as confirmation of being undergone security check at departure location and including one of the following cases: (Item 7, Article 50/Circular 13)/ Hàng hoá, bưu gửi quá cảnh, trung chuyển trên tàu bay vận chuyển hành khách không phải kiểm tra ANHK khi có xác nhận bằng văn bản hoặc niêm phong xác nhận việc kiểm tra ANHK đã được thực hiện tại điểm xuất phát và thuộc một trong các trường hợp sau: (Khoản 7, [Điều 50/TT 13](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_053))

a) Transit/ transfer cargo, mail and postal matters and parcels retained on board aircraft and put under security surveillance continuously; (Point a, Item 7, Article 50/Circular 13)/ Hàng hóa, bưu gửi quá cảnh, trung chuyển không rời khỏi tàu bay, sân đỗ tàu bay hoặc có sự giám sát ANHK thích hợp liên tục; (Điểm a, Khoản 7, Điều 50/TT 13);

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

b) Transit/ transfer cargo, mail and postal matters and parcels moved from apron to the cargo restricted areas; if cargo, mail and postal matters and parcels are carried through public areas to the cargo restricted areas and vice versa, they shall be sealed and put under security surveillance continuously in order to prevent the unauthorized introduction of dangerous items. (Point b, Item 7, Article 50/Circular 13)/ Hàng hóa, bưu gửi quá cảnh, trung chuyển được vận chuyển từ sân đỗ tàu bay vào khu vực lưu giữ hàng hóa qua khu vực công cộng và ngược lại được niêm phong an ninh và có biện pháp giám sát an ninh thích hợp liên tục trong quá trình vận chuyển để ngăn ngừa việc đưa trái phép vật phẩm nguy hiểm vào hàng hóa, bưu gửi. (Điểm b, Khoản 7, Điều 50/TT 13).

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

2.4.6. Proofs and/or flight documents to prove that security status of transit/transfer cargo, mail, postal matters and parcels has been checked at the point of origin according to: item 4.6.9 & 4.6.11 of Annex 17/ Tenth Edition/ 2017; item 13.5.7.22, 13.5.7.23, 13.5.7.40 of Doc 8973/10 and the missive of CAAV (No. 3730/CHK-ANHK date 27/8/2019; No. 4782/CHK-ANHK date 30/10/2019)./ Các bằng chứng và/hoặc các tài liệu chuyến bay chứng minh rằng tình trạng an ninh của hàng hóa, bưu gửi quá cảnh, trung chuyển đã được kiểm tra ANHK tại điểm xuất phát: theo điểm 4.6.9 & 4.6.11 Phụ lục 17/ Xuất bản lần thứ 10/2017; điểm 13.5.7.22, 13.5.7.23, 13.5.7.40 Doc 8973/10 và văn bản của Cục Hàng không Việt Nam (Số 3730/CHK-ANHK ngày 27/8/2019; Số 4782/CHK-ANHK ngày 30/10/2019):

a) *Passenger, all-cargo and all-mail aircraft (SPX): Yes  No*

b) *All-cargo and all-mail aircraft only (SCO)*: *Yes  No*

c) *A consignment security declaration: Yes  No*

d) *Airway bills (AWB) are marked “SPX” / “SCO”: Yes  No*

e) *Departure cargo, mail, postal matters and parcels with security seal: Yes  No*

## 2.5 Control and security monitoring of catering, equipment in the aircraft/ Kiểm soát & giám sát an ninh đối với suất ăn, đồ dùng trên tàu bay

2.5.1 Carts or bags of catering supplies taken onboard shall be attached with security seals after having undergone security screening. Only catering carts and bags under seals is accepted to access to restricted areas in the airport by Aviation Security staff and flight crew must be received catering carts and bags only if they remain fully security sealed security seal of catering company. (Item 4, Article 53/Circular 13)/ Tủ hoặc túi đựng suất ăn phục vụ trên tàu bay sau khi được kiểm tra ANHK phải được niêm phong an ninh. Nhân viên kiểm soát ANHK chỉ cho phép vào khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay, tổ bay chỉ được tiếp nhận lên tàu bay nếu tủ, túi đựng suất ăn còn nguyên niêm phong ANHK của doanh nghiệp suất ăn. (Khoản 4, [Điều 53/TT 13](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_056))

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Vietnam law/ Nội dung khác biệt:*

2.5.2 Aircraft stores and suppliesshall be packed in container or bag and being under security check by X-ray machine. Such bag and containers shall be put security seal on after security inspection by X-ray machine (exception items used for aircraft maintenance and repair) and under continuous security supervision by camera system or by security personnel or by two methods until being loaded onto aircraft. (Item 1, Article 54/Circular 13)/ Đồ vật phục vụ trên tàu bay phải có thùng hoặc túi đựng, được kiểm tra ANHK bằng soi chiếu tia X. Thùng, túi đựng đồ vật phục vụ trên tàu bay phải được niêm phong ANHK sau khi được kiểm tra ANHK bằng soi chiếu tia X (trừ đồ vật phục vụ cho việc bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay) và được giám sát liên tục bằng ca-me-ra giám sát an ninh hoặc do nhân viên kiểm soát ANHK trực tiếp giám sát hoăc cả hai biện pháp cho tới khi đưa lên tàu bay. (Khoản 1, [Điều 54/TT 13](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_057))

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

2.5.3 Aviation security re-checks:/ Tái kiểm tra an ninh hàng không trong các trường hợp:

a) Screened passengers and their carry-on baggage which have left sterile areas shall be re-checked when coming back the areas. (Item 1, Article 61/Circular 13)/ Hành khách, hành lý xách tay đã kiểm tra ANHK nhưng ra khỏi khu vực cách ly khi trở lại phải tái kiểm tra ANHK. (Khoản 1, [Điều 61/TT 13](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_064)**)**

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

b) In case, screened passengers and their carry-on baggage mix with unscreened persons, the AVSEC control force shall immediately apply the following measures: (Item 2, Article 61/Circular 13)/ Khi có sự tiếp xúc, trộn lẫn giữa hành khách, hành lý xách tay đã qua kiểm tra và người chưa qua kiểm tra ANHK, lực lượng kiểm soát ANHK phải áp dụng ngay các biện pháp sau: (Khoản 2, [Điều 61/TT 13](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_064)**)**

**(i) Passengers and their carry-on baggages shall be transferred to another temporary area and the sterile areas shall be fully re-checked;** (Point a, Item 2, Article 61/Circular 13)**/ Tất cả hành khách, hành lý xách tay phải được chuyển sang một khu vực khác, kiểm tra lại toàn bộ khu vực cách ly liên quan;** (Điểm a, Khoản 2, [Điều 61/TT 13](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_064)**)**

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

**(ii) Passengers and their carry-on baggage shall be re-checked before being allowed to board their aircraft;** (Point b, Item 2, Article 61/Circular 13)**/ Tái kiểm tra ANHK toàn bộ hành khách, hành lý xách tay trước khi cho lên tàu bay;** (Điểm b, Khoản 2, [Điều 61/TT 13](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_064)**)**

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

**(iii) In the case that there are any passengers have had access to an aircraft, all departing passengers, their carry-on baggages and the passenger cabins shall be re-checked.** (Point c, Item 2, Article 61/Circular 13)**/ Trường hợp hành khách đã lên tàu bay, toàn bộ hành khách, hành lý xách tay và khoang hành khách của tàu bay phải được tái kiểm tra ANHK.** (Điểm c, Khoản 2, [Điều 61/TT 13](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_064)**)**

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

c) In the case security seals are broken or checked baggage, cargo, parcels, mail, stores, catering carts are damaged, the re-checks of such checked baggage, cargo, parcels, mail, stores, catering carts shall be conducted before being loaded onto aircraft. (Item 3, Article 61/Circular 13)/ Trường hợp niêm phong an ninh không còn nguyên vẹn hoặc hành lý ký gửi, hàng hoá, bưu gửi, đồ vật phục vụ trên tàu bay, tủ, túi đựng suất ăn bị rách, vỡ phải tái kiểm tra ANHK trước khi đưa lên tàu bay. (Khoản 3, [Điều 61/TT 13](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_064)**)**

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

## 2.6 Control and security monitoring for special forms/ Kiểm soát & giám sát an ninh đối với các loại hình đặc biệt:

2.6.1 Transportation of weapons, supporting tools and war and radioative materials:

a) The transportation by air ofweapons, war materialand radioactivematerials into or through Vietnam’s territory is prohibitedexcept the following special cases: (1) Minister of National Defense decided some special cases allow the transportation ofweapons, war material by airinto or through Vietnam’s territory; (2) The Prime Minister decided some special cases to allow transport of radioactive materials by air into or through Vietnam’s territory. (Article 159 of Vietnam Civil Aviation Law No. 66/2006/QH11 date 29/6/2006 & No. 61/2014/QH13 date 21/11/2014)/ Không được vận chuyển bằng đường hàng không vũ khí, dụng cụ chiến tranh, vật liệu phóng xạ vào hoặc qua lãnh thổ Việt Nam, trừ trường hợp: (1) Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định trường hợp đặc biệt cho phép vận chuyển bằng đường hàng không vũ khí, dụng cụ chiến tranh vào hoặc qua lãnh thổ Việt Nam; (2) Thủ tướng Chính phủ quyết định trường hợp đặc biệt cho phép vận chuyển bằng đường hàng không vật liệu phóng xạ vào hoặc qua lãnh thổ Việt Nam. (Điều 159, Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014)

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

b) Carriage of weapons, supporting tools on board of transit, arrival and departure flight from the Vietnam airport; and of transit, transfer, domestic stop passengers, arrival and departure passengers from the Vietnam Airport, which must be complied with Law on management and use of weapons, explosives and supporting tools. (Article 3 and 12 of Law on management and use of weapons, explosives and supporting tools, No. 14/2017/QH14 date 20/6/2017)/ Vận chuyển vũ khí, công cụ hỗ trợ trên tàu bay quá cảnh, đến và đi từ sân bay của Việt Nam; vận chuyển vũ khí, công cụ hỗ trợ của hành khách quá cảnh, nối chuyến, tạm dừng nội địa, đến và đi từ sân bay của Việt Nam phải tuân thủ theo Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Điều 3 và Điều 12/ Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ, số 14/2017/QH14 ngày 20/6/2017).

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

2.6.2 Weapons, support tools of authorized people are allowed to stay on passenger compartment of aircraft/ Vũ khí, công cụ hỗ trợ lên khoang hành khách

a) Do not allowed to carry weapons, support tools to the passenger compartment of the aircraft, except for the following cases: (Item 1, Article 15 of Decree 92/2015/NĐ-CP date 13/10/2015)/ Không được phép mang theo người vũ khí, công cụ hỗ trợ lên khoang hành khách của tàu bay, trừ các trường hợp: (Khoản 1, [Điều 15/NĐ 92](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\92.2015.NDCP.Anninhhangkhong.doc#dieu_15))

(i) In-flight security officers carry on weapons on flights of foreign airlines under the agreement between CAAV and the aviation authorities of the countries concerned. (Point b, Item 1, Article 15/Decree 92)/ Nhân viên an ninh trên không mang theo vũ khí trên các chuyến bay của hãng hàng không nước ngoài theo thỏa thuận bằng văn bản giữa Cục Hàng không Việt Nam và nhà chức trách hàng không của quốc gia liên quan. (Điểm b, Khoản 1, Điều 15/NĐ 92);

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

(ii) Law enforcement officer (Security guard) is allowed to carry weapons on foreign VIP flight after being approved by the competent authorities of Ministry of Public Security. (Point c, Item 1, Article 15/Decree 92)/ Nhân viên bảo vệ pháp luật trên các chuyến bay chuyên cơ của nước ngoài sau khi được sự cho phép của cơ quan có thẩm quyền của Bộ Công an. (Điểm c, Khoản 1, Điều 15/NĐ 92)

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

b) The aircraft commander shall be notified of the names, seat locations, kind of weapons, support tools that passengers are allowed to bring onto the flight (Item 2, Article 15/Decree 92)/ Người chỉ huy tàu bay phải được thông báo về tên, chỗ ngồi, loại vũ khí, công cụ hỗ trợ của người được phép mang vũ khí, công cụ hỗ trợ trên chuyến bay. (Khoản 2, [Điều 15/NĐ 92](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\92.2015.NDCP.Anninhhangkhong.doc#dieu_15))

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

c) Passengers carrying weapons, support tools with them on the same flight must be notified their seat location. (Item 2, Article 15/Decree 92)/ Những người mang vũ khí, công cụ hỗ trợ trên cùng chuyến bay phải được thông báo vị trí ngồi của nhau. (Khoản 2, [Điều 15/NĐ 92](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\92.2015.NDCP.Anninhhangkhong.doc#dieu_15))

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

d) Such passengers carrying weapons, support tools with them do not have alcoholic beverages during the flight; having responsibility for keeping their weapons, support tools in a safety conditions (Item 2, Article 15/Decree 92)/ Người mang vũ khí, công cụ hỗ trợ lên tàu bay không được sử dụng đồ uống có cồn, chất kích thích trong suốt chuyến bay; có trách nhiệm duy trì vũ khí, công cụ hỗ trợ trong trạng thái an toàn. (Khoản 2, [Điều 15/NĐ 92](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\92.2015.NDCP.Anninhhangkhong.doc#dieu_15))

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

e) Passengers who are responsible for carriage of weapons, supporting tools ontopassenger compartment of aircraft shall have to present availble permits for carriage of firearm issued by a competent state agency. (Item 4, Article 15/Decree 92)/ Người được mang vũ khí, công cụ hỗ trợ lên khoang hành khách phải xuất trình giấy phép sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ phù hợp còn hiệu lực do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp. (Khoản 4, [Điều 15/NĐ 92](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\92.2015.NDCP.Anninhhangkhong.doc#dieu_15))

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

2.6.3 LAGs

a) When walking through security checkpoints to the international sterile area, each passenger, crewmember is allowed to carry the capacity of liquids not greater than 1 litre on his/her person, in his/her carry-on baggage. (Item 1, Article 71/Circular 13)/ Khi qua điểm kiểm tra ANHK vào khu vực cách ly quốc tế, mỗi hành khách, thành viên tổ bay chỉ được mang không quá 01 lít chất lỏng theo người và hành lý xách tay; (Khoản 1, [Điều 71/TT 13](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_074))

Liquids must be carried in containers with a capacity not greater than 100 ml and such containers must be completely closed. (Item 1, Article 71/Circular 13)/ Dung tích của mỗi chai, lọ, bình chứa chất lỏng không quá 100 mi-li-lít, đồng thời phải được đóng kín hoàn toàn. (Khoản 1, [Điều 71/TT 13](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_074))

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

b) Not be applied for medications, baby milk, foods if meet following requirements: (Item 2, Article 71/Circular 13)/ Không áp dụng đối với chất lỏng là thuốc chữa bệnh, sữa, thức ăn cho trẻ em nếu đáp ứng các điều kiện sau: (Khoản 2, Điều 71/TT 13)

(i) Medications shall be accompanied by physician’s prescription with his/her full name and address; full name of the person who use medicine on the prescription is the same as passenger’s name on boarding pass; (Point a, Item 2, Article 71/Circular 13)/ Thuốc chữa bệnh có kèm theo đơn thuốc trong đó ghi rõ họ tên, địa chỉ của người kê đơn thuốc, họ tên người sử dụng thuốc phù hợp với họ tên trên thẻ lên tàu bay hành khách; (Điểm a, Khoản 2, Điều 71/TT 13)

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

(ii) Milk, food for children, infants must accompany with children, infants themselves. (Point b, Item 2, Article 71/Circular 13)/ Sữa, thức ăn dành cho trẻ em, trẻ sơ sinh phải có trẻ em, trẻ sơ sinh đi cùng. (Điểm b, Khoản 2, Điều 71/TT 13)

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

c) Liquids which are purchased at airport duty-freeshops in international sterile area, and on international flight are allowed to be carried on person, in carry-on baggage without any limitations, provided that the liquids are packed in a sealed transparent plastic bag. (Item 3, Article 71/Circular 13)/ Chất lỏng mua tại cửa hàng trong khu cách ly quốc tế, trên chuyến bay quốc tế được phép mang theo người và hành lý xách tay không giới hạn dung tích với điều kiện phải đựng trong túi nhựa an ninh được dán kín. (Khoản 3, Điều 71/TT 13)

Security plastic bag is the bag specialized for containing liquids, condensed liquids, spraying liquids purchased from duty free shops in the international sterile area and on international flight. This bag is transparent with design as described in Annex XXV of the Circular 13/2019/TT-BGTVT./ Túi nhựa an ninh là túi nhựa chuyên biệt để đựng chất lỏng, các chất đặc sánh, dung dịch xịt mua tại cửa hàng trong khu cách ly quốc tế, trên chuyến bay quốc tế. Túi trong suốt có quy cách theo Phụ lục XXV ban hành kèm theo Thông tư 13/2019/TT-BGTVT.

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

## 2.7 Special passenger/ Hành khách đặc biệt

Special passenger: Passenger such as disruptive, mental illness, prisoners, arrestees, defendants, criminals, deportees and extradited persons/ Hành khách đặc biệt: **bao gồm hành khách gây rối, người bị bệnh tâm thần, bị can, phạm nhân, người bị trục xuất, dẫn độ, người bị bắt theo quyết định truy nã**

2.7.1 Policies and procedures of airline with disruptive passengers (Article 59/Circular 13)/ Chính sách, quy trình của hãng hàng không đối với trường hợp hành khách gây rối (Điều 59/TT 13)

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

2.7.2 Policies and procedures of airline with Passenger who have lost their act control capacity (mental illness; using alcohol and other drugs) (Article 58/Circular 13)/ Chính sách, quy trình của hãng hàng không đối với hành khách bị mất khả năng làm chủ hành vi (**do bị bệnh tâm thần; do sử dụng rượu, bia hoặc các chất kích thích) (**[Điều 58/TT 13](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_061)**)**

a) Persons who have lost their act control capacity due to using alcohol and other drugs shall be denied for carriage. (Item 2, Article 58/Circular 13)/ **Không chấp nhận chuyên chở hành khách mất khả năng làm chủ hành vi do sử dụng rượu, bia hoặc các chất kích thích. (Khoản 2,** [Điều 58/TT 13](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_061)**)**

*Specified at what point /Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

b)Acceptance to carry the passengers who suffer from mental illness is due to the air carriers’assessment and discretion. In case of carriage, the following requirement shall be performed: (Item 3, Article 58/Circular 13)**/** Việc chấp nhận chuyên chở hành khách bị bệnh tâm thần do đại diện hãng hàng không đánh giá và quyết định. Khi chấp nhận chuyên chở phải thực hiện các yêu cầu sau đây: **(Khoản 3,** [Điều 58/TT 13](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_061)**)**

(i) Passengers suffering from mental illness shall be accompanied by their doctors or relatives who are able to control their abnormal acts. Where necessary, the passengers must be anaesthetized before embarking aircraft and the flight time to destination is no longer than efficacious time; (Point a, Item 3, Article 58/Circular 13)/ Hành khách bị bệnh tâm thần phải có bác sĩ hoặc thân nhân đi kèm có khả năng kiềm chế được hành vi bất thường của hành khách. Trong trường hợp cần thiết, hành khách bị bệnh tâm thần cần phải được gây mê trước khi lên tàu bay, thời gian bay không được lâu hơn thời gian tác dụng của thuốc; **(Điểm a, Khoản 3,** [Điều 58/TT 13](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_061)**)**

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

(ii) Passengers suffering from mental illness and their baggage shall be subject to manual check that may be conducted at designated area; (Point b, Item 3, Article 58/Circular 13)/ Hành khách bị bệnh tâm thần và hành lý, vật dụng của họ phải được kiểm tra trực quan; việc kiểm tra có thể được bố trí tại khu vực riêng; **(Điểm b, Khoản 3,** [Điều 58/TT 13](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_061)**)**

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/Nội dung khác biệt:*

(iii) Where necessary, airport/aerodrome security staff shall escort passengers suffering mental illness to aircraft, or from aircraft to airport/aerodrome security restricted areas; (Point c, Item 3, Article 58/Circular 13)/ Trong trường hợp cần thiết theo yêu cầu của đại diện hãng hàng không, nhân viên kiểm soát an ninh hàng không phải hộ tống hành khách bị bệnh tâm thần lên tàu bay và ngược lại; **(Điểm c, Khoản 3,** [Điều 58/TT 13](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_061)**)**

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

(iv) The air carrier shall have to inform aircraft pilot-in-command of the seats ofthe passengers suffering from mental illness. The aircraft pilot-in-command shall have to inform operator of estimated destination airport of the assistance request, if any. (Point d, Item 3, Article 58/Circular 13)/ Đại diện hãng hàng không phải thông báo cho người chỉ huy tàu bay vị trí ngồi của hành khách bị bệnh tâm thần. Người chỉ huy tàu bay thông báo cho người khai thác cảng hàng không, sân bay nơi tàu bay dự định hạ cánh về các yêu cầu trợ giúp nếu xét thấy cần thiết. **(Điểm d, Khoản 3,** [Điều 58/TT 13](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_061)**)**

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

2.7.3 Security Control and Supervision of accused, defendants, prisoners, deportees, extradited persons or arrestees under pursuit warrants (Article 56/Circular 13)/ **Kiểm tra, giám sát ANHK đối với hành khách là bị can, bị cáo, phạm nhân, người bị trục xuất, dẫn độ, người bị bắt theo quyết định truy nã (**[Điều 56/TT 13](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_059)**)**

a) When check-in, escorting persons shall have to present escort order or decision of competent authorities. (Item 1, Article 56/Circular 13)/ Khi làm thủ tục hàng không, người áp giải phải xuất trình lệnh hoặc quyết định áp giải của cơ quan có thẩm quyền. (Khoản 1, Điều 56/TT 13).

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:........................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

b) The representative of air carrier coordinate with escorting persons to assess the risk of the transport of escorted person and decide appropriate security measures; inform to AVSEC control force and airport authority of departure airports. (Item 2, Article 56/Circular 13)/ Đại diện hãng hàng không phối hợp với người áp giải đánh giá nguy cơ trong việc vận chuyển hành khách bị áp giải và quyết định các biện pháp bảo đảm an ninh, an toàn phù hợp; thông báo cho lực lượng kiểm soát ANHK và Cảng vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay nơi đi. (Khoản 2, Điều 56/TT 13)

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:........................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

c) Persons who escort and persons under escort may be screened at designated points. The persons under escort and their baggage and belongings shall be subject to manual checks. (Item 3, Article 56/Circular 13)/ Người áp giải và người bị áp giải có thể được bố trí kiểm tra ANHK tại khu vực riêng. Người bị áp giải và hành lý, vật dụng của họ phải được kiểm tra trực quan. (Khoản 3, Điều 56/TT 13)

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

d) The representative of air carrier shall have to inform aircraft pilot-in-command of the seat locations of the accused, defendants, prisoners, deportees, extradited persons or arrestees under pursuit warrants and the escorting persons and their supporting tools. The aircraft pilot-in-command shall have to inform AVSEC control force of estimated destination airport of the assistance request, if any. (Item 5, Article 56/Circular 13)/ Đại diện hãng hàng không phải thông báo cho người chỉ huy tàu bay vị trí ngồi của hành khách là bị can, phạm nhân, người bị trục xuất, dẫn độ và người áp giải cùng với công cụ hỗ trợ họ mang theo. Người chỉ huy tàu bay thông báo cho lực lượng kiểm soát ANHK nơi tàu bay dự định hạ cánh về các yêu cầu trợ giúp cần thiết nếu có. (Khoản 5, Điều 56/TT 13).

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

2.7.4Policies and procedures of airline with passengers are prisoners, deportee, extradited persons, or arrestees under pursuit warrants (who shall be under escort when they are transported by aircraft) (Article 68/Circular 13)/ Chính sách, quy trình của hãng hàng không đối với trường hợp **vận chuyển hành khách là bị can, phạm nhân, người bị trục xuất, dẫn độ,** không tự nguyện lên tàu bay, **người bị bắt theo quyết định truy nã** (phải có người áp giải) ([Điều 68/TT 13](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_071))

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

a) No more than 05 persons of arrestees, defendants, criminals, deportees, extradited persons can be transported on each flight (Item 1, Article 68/Circular 13)/ Trên một chuyến bay chỉ được vận chuyển không quá 05 người thuộc đối tượng (**là bị can, phạm nhân, người bị trục xuất, dẫn độ, người bị bắt theo quyết định truy nã) (**[Khoản 1, Điều 68/TT 13](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_071_K1)**)**

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

b) For flights from abroad to Viet Nam, in case that the provisions of the law of the local country contravene the provisions of more than 05 persons that specified in Item 1, Article 68 of the Circular 13, the CAAV shall review and decide the transport limitations. (Item 2, Article 68/Circular 13)/ **Đối với chuyến bay từ nước ngoài về Việt Nam, trong trường hợp quy định của pháp luật của nước sở tại khác với quy định tại khoản 1 của Điều 68/TT 13, Cục Hàng không Việt Nam đánh giá và quyết định giới hạn chuyên chở. (**[Khoản 2, Điều 68/TT 13](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_071_K2)**)**

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

c) The transport of deported passengers who volunteer to return their countries in the quantity of those more than 05 persons that specified in Item 1, Article 68 of the Circular 13 shall only be performed when all requirements are met to ensure security. The air carriers shall be responsible to make assessment and decision by themselves (Item 7, Article 68/Circular 13)/ Việc vận chuyển hành khách bị trục xuất tự nguyện trở về với số lượng nhiều hơn quy định tại khoản 1 của Điều **68/TT 13** được thực hiện khi đủ khả năng bảo đảm an ninh. Hãng hàng không chịu trách nhiệm đánh giá và quyết định. **(**[Khoản 7, Điều 68/TT13](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_071_K7)**)**

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

d) The seat locations of persons under escort are designated far from door of aircraft; emergency exits. Escorting person shall be seated by the aisle seat and person under escort seated inside. In case there are two persons who escort, person under escort shall be seated in between them (Item 3, Article 68/Circular 13)/ Chỗ ngồi của đối tượng bị áp giải được chỉ định ở các hàng ghế xa cửa lên, xuống, xa cửa thoát hiểm. Nhân viên áp giải ngồi ghế cạnh lối đi, đối tượng bị áp giải ngồi ghế trong, trường hợp số nhân viên áp giải gấp hai lần số đối tượng bị áp giải, đối tượng bị áp giải ngồi ghế giữa hai nhân viên áp giải **(**[Khoản 3, Điều 68/TT 13](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_071_K3)**)**

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

e) Air carrier shall take responsibility to arrange for embarkation and disembarkation of person under escort and his escorting person before other passengers (Item 6, Article 68/Circular 13)/ Hãng hàng không phải bố trí cho người áp giải và người bị áp giải lên trước và rời khỏi tàu bay sau cùng so với các hành khách khác. **(**[Khoản 6, Điều 68/TT 13](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_071_K6)**)**

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

f) Persons under escort shall be supervised throughout the flight by escorting persons, even when they are in toilet and meals and drinks may be served for them as requested by escorting persons. Escorting persons and persons under escort are not allowed to drink alcoholic beverages (Item 4, Article 68/Circular 13)/ Đối tượng bị áp giải phải được người áp giải giám sát trong suốt chuyến bay kể cả khi vào phòng vệ sinh, đối tượng bị áp giải có thể được sử dụng đồăn, uống trên tàu bay với sự đồng ý của người áp giải; người áp giải và đối tượng bị áp giải không được sử dụng các loại chất kích thích hoặc dung dịch có cồn **(**[Khoản 4, Điều 68/TT 13](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_071_K4)**)**

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

g) Persons under escort are not to be handcuffed to any part of the aircraft (Item 5, Article 68/Circular 13)/ Không được khoá tay hoặc chân đối tượng bị áp giải vào bất cứ bộ phận nào của tàu bay **(**[Khoản 5, Điều 68/TT 13](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_071_K5)**)**

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

2.7.5 Passengers are refused to entry of country/ Hành khách bị từ chối nhập cảnh

a) Air carrier shall be responsible for their passengers who are not accepted to enter Viet Nam, and shall have to: (Item 1, Article 57/Circular 13)/ Hãng hàng không chịu trách nhiệm về hành khách do hãng chuyên chở bị Việt Nam từ chối nhập cảnh, cụ thể: (Khoản 1, [Điều 57/TT 13](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_060))

(i) To arrange the passengers’ departure out of Vietnam at earliest; (Point a, Item 1, Article 57/Circular 13)/ Chuyên chở hành khách rời khỏi Việt Nam trong thời gian sớm nhất; (Điểm a, Khoản 1, [Điều 57/TT 13](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_060))

(ii) To coordinate with the immigration police to keep the passengers’ IDs on a temporary basis and get other appropriate documents; papers issued by immigration authority for the purpose of transporting such passengers in the case of the passengers’ IDs no valid; (Item b, Article 57/Circular 13)/ Phối hợp với công an cửa khẩu tạm giữ giấy tờ về nhân thân của hành khách và làm thủ tục để có các giấy tờ khác do cơ quan quản lý xuất nhập cảnh cấp nhằm mục đích vận chuyển hành khách đó nếu hành khách không có giấy tờ về nhân thân hợp lệ; (Điểm b, Khoản 1, [Điều 57/TT 13](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_060))

(iii) To inform immigration police, airport authority of the list of passengers that are refused to entry and their departure flight number from Vietnam; (Item c, Article 57/Circular 13)/ Thông báo cho công an cửa khẩu, Cảng vụ hàng không liên quan danh sách hành khách, thời gian, địa điểm quản lý hành khách bị từ chối nhập cảnh và chuyến bay chuyên chở hành khách rời khỏi Việt Nam; (Điểm c, Khoản 1, [Điều 57/TT 13](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_060))

(iv) Hold personal documents or other paper work issued by immigration department and give back to passengers only after handing over to the competent authority of arrival country. (Item d, Article 57/Circular 13)/ Giữ giấy tờ về nhân thân hoặc các giấy tờ khác do cơ quan quản lý xuất nhập cảnh cấp và chỉ giao lại khi hành khách đã được bàn giao cho nhà chức trách có thẩm quyền của quốc gia nơi tàu bay đến. (Điểm d, Khoản 1, [Điều 57/TT 13](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_060))

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

b) Passengers that are refused to entry of country shall be monitored by AVSEC force at airport, aerodrome, the supervision of such passengers shall be complied with the Vietnamese Law . In case that the passengers are not voluntary to come back their originating country, the air carrier shall have to arrange security personnel to escort during flight, at least 1 guard per 1 passenger (Item 3, Article 57/Circular 13)/ Trường hợp hành khách bị từ chối nhập cảnh được quản lý, giám sát tại cảng hàng không, sân bay, lực lượng kiểm soát ANHK quản lý, giám sát hành khách bị từ chối nhập cảnh theo quy định của Pháp luật Việt Nam. Trường hợp hành khách bị từ chối nhập cảnh không tự nguyện về nước, hãng hàng không phải bố trí nhân viên an ninh áp giải trên chuyến bay, tối thiểu 01 nhân viên áp giải 01 hành khách. (Khoản 3, [Điều 57/TT 13](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_060))

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

## 2.8 Diplomatic Pouches & Special Products/ Túi ngoại giao & các vật phẩm đặc biệt

2.8.1 Diplomatic pouches, consular bags and special specimens, baggage, products (including: blood, the viscera, death bodies, human remain, ashes, animal products)/ Túi ngoại giao, túi lãnh sự, và các vật phẩm đặc biệt (máu, bộ phận nội tạng, thi thể người, hài cốt, tro cốt, động vật sống)

**a)** Diplomatic pouches and consular bags are exempt from X-ray screening, manual check, security search. (Item 1, Article 48/Circular 13)/ **T**úi ngoại giao, túi lãnh sự được miễn soi chiếu tia X, kiểm tra trực quan, lục soát ANHK. (Khoản 1, [Điều 48/TT 13](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_051))

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

**b)** Diplomatic pouches and consular bags shall be screened by X-ray machine in case foreign air carrier have an request in an official letter to the head of AVSEC control force at airport, aerodrome and with diplomatic or consular liaison officers’s consent. Such X-ray screening must be confirmed in written by air carrier, diplomatic or consular liaison officers, security personnel and airport authority concerned; this record shall be sent to the diplomatic, consular agencies. (Item 6, Article 48/Circular 13)/ **Túi ngoại giao, túi lãnh sự sẽ được soi chiếu tia X trong trường hợp hãng hàng không (nước ngoài) trực tiếp vận chuyển có yêu cầu bằng văn bản gửi người đứng đầu lực lượng kiểm soát ANHK tại cảng hàng không, sân bay và được sự đồng thuận của giao thông viên ngoại giao hoặc giao thông viên lãnh sự. Việc soi chiếu tia X phải được ghi nhận bằng biên bản** có sự xác nhận của hãng hàng không, giao thông viên ngoại giao hoặc giao thông viên lãnh sự, nhân viên kiểm soát ANHK và Cảng vụ hàng không; biên bản phải được gửi cho cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan đại diện lãnh sự. (Khoản 6, [Điều 48/TT 13](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_051))

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

c) Diplomatic passport holder, diplomatic liaison officers, consular liaison officers or representatives of diplomatic missions or consular offices, diplomatic missions and items carried with them when entering restricted areas or travelling with diplomatic pouches/consular pouches shall undergo security check as prescribed in Articles 36 and 41 of Circular 13/2019/TT-BGTVT. (Item 5, Article 48/Circular 13)/ Người có hộ chiếu ngoại giao, giao thông viên ngoại giao, giao thông viên lãnh sự hay đại diện của cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan đại diện lãnh sự và đồ vật mang theo khi vào khu vực hạn chế để gửi hay đi cùng túi ngoại giao, túi lãnh sự phải được kiểm tra ANHK theo quy định tại các Điều 36 và 41 của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT (Khoản 5, Điều 48/TT 13)

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

2.8.2 Security check of special specimens, baggage, products (Article 52/Circular 13)/ **Kiểm tra ANHK đối với vật phẩm đặc biệt** ([Điều 52/TT 13](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_055))

a) The exemption of security check and screening shall be apply to dead bodies transported by air which are placed in a closed aluminum coffin that is sealed. Process of packing and sealing shall be put under the supervision of the competent health agencies. Aluminum coffin shall have intact seals, attestation of death and other appropriate documentation of the competent health agencies and shall be applied security check by explosive detector (Item 1 & 8, Article 52/Circular 13)/ Miễn soi chiếu tia X và kiểm tra trực quan đối với thi thể người vận chuyển bằng tàu bay được đặt trong hòm kẽm gắn kín. Quá trình đóng gói và niêm phong hòm kẽm phải được cơ quan y tế có thẩm quyền giám sát. Hòm kẽm phải còn nguyên niêm phong và có văn bản xác nhận của cơ quan y tế giám sát kèm theo giấy chứng tử và phải được kiểm tra bằng dụng cụ, thiết bị phát hiện chất nổ. (Khoản 1 & 8, [Điều 52/TT 13](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_055))

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

b) The exemption of security check and screening shall be apply to the products made ​​from blood, the viscera for transplantation, vaccines, pharmaceutical product being sealed. The containners shall have security seals attached to, and written confirmation of the competent health agencies and shall be applied security check by explosive detector. (Item 2 & 8, Article 52/Circular 13)/ Miễn soi chiếu tia X và kiểm tra trực quan đối với các sản phẩm làm từ máu, bộ phận nội tạng dùng cho việc cấy ghép, vắc-xin, các loại dược phẩm phải duy trì đóng gói kín. Bao bì phải có niêm phong, kèm theo văn bản xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền và phải được kiểm tra bằng dụng cụ, thiết bị phát hiện chất nổ. (Khoản 2 & 8, [Điều 52/TT 13](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_055))

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

c) The exemption of security check and screening shall be apply to dangerous goods that screening or security check will endanger the lives and health of security employees such as materials for nuclear research, radioactive materials. The containners shall have security seals attached to, and correspondence confirming the safety package of the competent state agencies and request correspondence of the competent state agencies. (Item 3, Article 52/Circular 13)/ Miễn soi chiếu tia X và kiểm tra trực quan đối với những hàng hóa nguy hiểm mà việc soi chiếu hoặc kiểm tra trực quan sẽ gây nguy hiểm cho tính mạng, sức khỏe của nhân viên kiểm soát ANHK như các vật liệu cho nghiên cứu hạt nhân, vật liệu phóng xạ. Bao bì phải có niêm phong, kèm theo văn bản xác nhận tình trạng đóng gói an toàn, văn bản đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. (Khoản 3, [Điều 52/TT 13](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_055))

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

d) Security control of human remains (including ashes) shall be conducted in the same manner as normal cargo, except cases requested by the state agencies concerned, foreign diplomatic ahencies and approved by the head of AVSEC control force at airport, aerodrome and shall be applied security check by explosive detector (Item 4 & 8, Article 52/Circular 13)/ Đối với hài cốt, tro cốt, việc kiểm tra an ninh hàng không được thực hiện như đối với hàng hoá, hành lý thông thường, trừ trường hợp có đề nghị miễn soi chiếu tia X của cơ quan nhà nước có liên quan, cơ quan đại diện ngoại giao của nước ngoài và phải được người đứng đầu bộ phận kiểm soát ANHK tại cảng hàng không, sân bay chấp nhận và phải được kiểm tra bằng dụng cụ, thiết bị phát hiện chất nổ. (Khoản 4 & 8, Điều 52/TT 13)

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

e) Animal, animal products easily damaged which can not be screened by X-ray machine, and shall be subjected to manual check or other appropriate security measure sand shall be applied security check by explosive detector. (Item 5 & 8, Article 52/Circular 13)/ Đối với động vật sống, vật phẩm dễ bị hỏng không thể kiểm tra bằng soi chiếu tia X thì phải kiểm tra trực quan hoặc biện pháp khác thích hợp và phải được kiểm tra bằng dụng cụ, thiết bị phát hiện chất nổ. (Khoản 5 & 8, [Điều 52/TT 13](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_055))

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

f) The transportation of dangerous items must comply with regulations on carriage of dangerous goods by air. Those dangerous items must be packed, labeled and declared before acceptance for carriage. Air carrier shall be responsible to inspect, define to comply with the regulations on carriage of dangerous goods by air. If dangerous items are detected during security check, AVSEC control force shall have to inform to air carrier for final decision. (Item 6, Article 52/Circular 13)/ Vận chuyển hàng nguy hiểm phải tuân thủ các quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm bằng đường hàng không. Hàng nguy hiểm phải được đóng gói, dán nhãn đúng quy định và khai báo trước khi chấp nhận để vận chuyển. Hãng hàng không chịu trách nhiệm kiểm tra, xác định sự tuân thủ các quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm bằng đường hàng không trước khi chấp nhận vận chuyển hàng nguy hiểm. Khi kiểm tra ANHK phát hiện hàng nguy hiểm, lực lượng kiểm soát ANHK phải thông báo cho hãng vận chuyển xem xét quyết định. (Khoản 6, [Điều 52/TT 13](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_055))

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

g) Some of medical articles are dangerous items (regulation in the Decision of CAAV on the list of dangerous items which are prohibited from being carried on person, carry-on and checked baggage and the list of dangerous items which are permitted from being carried on person, carry-on and checked baggage). The carriage of those items on board in case of looking after patients and honor guards must be accepted by representative of air carrier and head of AVSEC control force at airport, aerodrome and shall be applied security check by explosive detector. (Item 7 & 8, Article 52/Circular 13)/ Việc mang theo trang thiết bị y tế là vật phẩm nguy hiểm theo người lên tàu bay để chăm sóc bệnh nhân và đối tượng cảnh vệ phải được đề nghị bằng văn bản, được sự đồng ý của đại diện hãng hàng không và người đứng đầu bộ phận kiểm soát ANHK tại cảng hàng không, sân bay và phải được kiểm tra bằng dụng cụ, thiết bị phát hiện chất nổ. (Khoản 7 & 8, Điều 52/TT 13)

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

2.8.3 When completing procedures for receiving application forms for transport of cargo, parcels, courier and mail, airlines shall have to notify passengers of airlines’ difference policy on transport of special articles specified in article 52 of Circular 13/2019/TT-BGTVT or transport of dangerous articles, such as diplomatic pouches and consular pouches (if any). (Item 7, Article 118/Circular 13)/ Khi làm thủ tục tiếp nhận đăng ký vận chuyển hàng hóa, bưu gửi, hãng hàng không phải thông báo cho khách hàng về chính sách khác biệt của hãng đối với việc vận chuyển các vật phẩm đặc biệt hoặc vận chuyển vật phẩm nguy hiểm quy định tại Điều 52, TT 13/2019/TT-BGTVT, túi thư ngoại giao, túi lãnh sự (nếu có). (Khoản 7, Điều 118/TT 13)

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK: ......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

# 3. CONTINGENCY PLAN EVALUATION/ ĐÁNH GIÁ VỀ AN NINH ĐỐI PHÓ

Contingency plan - contingency plans should be consistent with national and airport contingency plans (guidance on contingency planning can be found in Chapter 17 of Doc 8973);/Phương án khẩn nguy phải phù hợp với phương án khẩn nguy của mỗi quốc gia và cảng hàng không, sân bay (hướng dẫn về phương án khẩn nguy được quy định tại Chương 17, Doc 8973)

A proactive plan to include measures and procedures addressing various threat levels, risk assessments and the associated security measures to be implemented, designed to anticipate and mitigate events as well as prepare all concerned parties having roles and responsibilities in the event of an actual act of unlawful interference. A contingency plan sets forth incremental security measures that may be elevated as the threat increases. It may be a stand-alone plan or included as part of a Crisis Management Plan/ Phương án khẩn nguy đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp là phương án bao gồm các biện pháp, thủ tục cho các mức độ đe dọa khác nhau, đánh giá nguy cơ và các biện pháp an ninh hiệp đồng phối hợp được thực hiện, được trù liệu trước về vai trò, trách nhiệm của cơ quan tổ chức có liên quan khi xảy ra hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng. Các biện pháp bảo đảm an ninh trong phương án khẩn nguy có thể tăng hoặc giảm theo mức độ đe dọa cụ thể. Phương án khẩn nguy có thể được xây dựng riêng rẽ hoặc là một phần của kế hoạch ứng phó khủng hoảng.

Acts of unlawful interference against civil aviation activities are acts that may threaten the safety of civil aviation activities, including: (Item 2, Article 190 of Vietnam Civil Aviation Law No. 66/2006/QH11 date 29/6/2006 & No. 61/2014/QH13 date 21/11/2014)/ Hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng là hành vi có khả năng uy hiếp an toàn hoạt động hàng không dân dụng, bao gồm một trong các hành vi sau đây: (Khoản 2, Điều 190 Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014)

(i) Unlawful seizure of aircraft in flight;/ Chiếm đoạt bất hợp pháp tàu bay đang bay;

(ii) Unlawful seizure of aircraft on the ground;/ Chiếm đoạt bất hợp pháp tàu bay trên mặt đất;

(iii) Use of aircraft as the weapon;/ Sử dụng tàu bay như một vũ khí;

(iv) Hostage-taking on board aircraft or on airports and aerodromes;/ Bắt giữ con tin trong tàu bay hoặc tại cảng hàng không, sân bay;

(v) Forcible intrusion on board an aircraft, at an airport/aerodrome or on premises of a civil aviation facility;/ Xâm nhập trái pháp luật vào tàu bay, cảng hàng không, sân bay và công trình, trang bị, thiết bị hàng không dân dụng;

(vi) Illegally bringing dangerous objects onboard an aircraft, airport, airfield or other restricted areas./ Đưa vật phẩm nguy hiểm vào tàu bay, cảng hàng không, sân bay và khu vực hạn chế khác trái pháp luật.

Dangerous objects include weapons, ammunitions, combustibles, flammables, explosives, chemical and biological toxins, radioactive substances and other objects and substances capable of causing danger or being used to cause danger to human health and life and safety of flight;/ Vật phẩm nguy hiểm bao gồm vũ khí, đạn dược, chất cháy, chất dễ cháy, chất nổ, chất dễ nổ, chất độc hóa học và sinh học, chất phóng xạ và các vật hoặc chất khác có khả năng gây nguy hiểm hoặc được dùng để gây nguy hiểm cho sức khỏe, tính mạng của con người, an toàn của chuyến bay;

(vii) Providing information which is so false that it affects the safety of aircraft in flight or on the ground, the safety of passengers, crews, ground personnel or persons at airports, airfields and civil air navigation aids, facilities and equipment;/ Cung cấp thông tin sai đến mức uy hiếp an toàn của tàu bay đang bay hoặc trên mặt đất; an toàn của hành khách, tổ bay, nhân viên mặt đất hoặc người tại cảng hàng không, sân bay và công trình, trang bị, thiết bị hàng không dân dụng;

(viii) Intentionally committing illegal acts endangering the safety of operation of aircraft, airports or airfields; or affecting air navigation assurance./ Cố ý thực hiện hành vi vi phạm pháp luật uy hiếp đến an toàn khai thác tàu bay; khai thác cảng hàng không, sân bay; bảo đảm hoạt động bay.

3.1 Is there a regulation of contingency plan dealing with acts of unlawful interference against civil aviation activities in AOSP?/ Hãng hàng không có quy định về Phương án khẩn nguy, đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng hay không?.

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:........................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

3.2 How many levels of enhanced aviation security are there regulated in AOSP when appear high threats to civil aviation security ?/ Có bao nhiêu cấp độ tăng cường bảo đảm ANHK được quy định trong chương trình ANHK của hãng khi có nguy cơ cao đối với ANHK dân dụng?.

.........................................................................................................................................................

***Please enumerate***: .........................................................................................................................

........................................................................................................................................................

How do the AOSP regulate to apply levels of enhanced aviation security when appear high threats to civil aviation security?/ Các cấp độ triển khai thực hiện Phương án khẩn nguy trong chương trình ANHK của hãng như thế nào?.

.........................................................................................................................................................

.........................................................................................................................................................

The operators of aircraft, airlines and the relevant bodies and units have follow the directions of the Civil Aviation Authority of Vietnam in implementation of enhanced security control measures corresponding to the applicable ehanced level/ Người khai thác tàu bay, hãng hàng không và các cơ quan, đơn vị liên quan phải thực hiện ngay theo chỉ đạo của Cục Hàng không Việt Nam về triển khai thực hiện các biện pháp kiểm soát ANHK tăng cường tương ứng với cấp độ được áp dụng.

Reference/ Tham chiếu: Article 78, Circular 13/2019/TT-BGTVT/ Điều78, TT 13

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

3.3 The security check of aircraft shall comply with regulations on enhanced security measures, contingency plan dealing with acts of unlawful interference against civil aviation activities at airport./ Việc lục soát an ninh tàu bay được thực hiện theo quy định về các biện pháp bảo đảm an ninh tăng cường, phương án khẩn nguy đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng tại cảng hàng không, sân bay.

Searches of aircraft, passengers, crew members, baggages, cargo, mail and parcelshould be carried out if there is any information of unscreened dangerous devices on board an aircraft during security checking and screening process before loaded onto aircraft. (Item 2, Article 9/Decree 92)/ Việc lục soát ANHK được thực hiện đối với tàu bay, hành khách, thành viên tổ bay, hành lý, hàng hóa, bưu gửi trên tàu bay trong trường hợp có thông tin trên tàu bay có vật phẩm nguy hiểm mà chưa được phát hiện, xác định trong quá trình kiểm tra, soi chiếu trước khi đưa lên tàu bay. **(Khoản 2,** [Điều 9/NĐ 92](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\92.2015.NDCP.Anninhhangkhong.doc#dieu_09))

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

3.4 In case of passenger’s verbal on board an aircraft threat relating to security and safety of aircraft, searches of aircraft and the passenger and their baggages shall be carried out. (Item 3, Article 9/Decree 92)/ Trường hợp có người trên tàu bay phát ngôn đe dọa an toàn của chuyến bay, việc lục soát ANHK được thực hiện đối với tàu bay, người có hành vi phát ngôn và hành lý của người đó. **(Khoản 3,** [Điều 9/NĐ 92](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\92.2015.NDCP.Anninhhangkhong.doc#dieu_09))

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

3.5 In the case of detecting unusual signs or any threatening information relating to security and safety of aircraft, searches of screened passengers, crew members, flight servicing staffs, relevant personnels, baggages, cargo, mail and parcel should be carried out. (Item 4, Article 9/Decree 92)/ Việc lục soát ANHK được thực hiện khi kiểm tra, soi chiếu, giám sát ANHK đối với hành khách, thành viên tổ bay, người phục vụ chuyến bay, người khác có liên quan, hành lý, hàng hóa, bưu gửi, phương tiện mà phát hiện dấu hiệu hoặc có thông tin đe dọa đến an ninh, an toàn của chuyến bay. **(Khoản 4,** [Điều 9/NĐ 92](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\92.2015.NDCP.Anninhhangkhong.doc#dieu_09))

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

3.6 Searches of aircraft shall be conducted according to the list. There must be checklists of aircraft security searches for each type of aircraft and retained in the aircraft. (Item 2, Article 65/Circular 13)/ Việc lục soát tàu bay phải được tiến hành theo danh mục. Trên mỗi tàu bay phải có danh mục lục soát an ninh tàu bay. (Khoản 2, [Điều 65/TT 13](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_068))

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

3.7 Reporting and notification procedure/ Báo cáo – Quy trình báo cáo sự cố

Reporting sample, the time of reporting/ Báo cáo ai, mẫu báo cáo, thời hạn báo cáo

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

# 4. TRAINING PROGRAME/ĐÀO TẠO – HUẤN LUYỆN

Security training programme — the development and implementation of this programme should be undertaken in accordance with the State’s NCASP (Circular 13), and should reflect the standards, policies and procedures contained in the NCASTP (guidance on security training programmes for specific entities can be found in Chapter III of Circular 43/2017/TT-BGTVT date 16/11/2017); and recruitment and training of security staff and/or handling agents; and/ Chương trình đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ ANHK – việc xây dựng và thực hiện chương trình đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ phải bảo đảm tuân thủ theo chương trình ANHK dân dụng Quốc gia (TT 13) và phải phản ánh được các tiêu chuẩn, chính sách và quy trình quy định trong chương trình ANHK dân dụng (hướng dẫn về chương trình đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ ANHK cho từng đối tượng được quy tại Chương III/TT 43/2017/TT-BGTVT ngày 16/11/2017); và quy trình tuyển dụng, đào tạo nhân viên ANHK và/ hoặc nhân viên giao nhận; và

## 4.1 Regulations about policy, organization/security training programme/ Có quy định về chính sách, tổ chức/bộ máy huấn luyện đào tạo ANHK

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

## 4.2 There are programs and content summaries of security training programme/ Có chương trình, nội dung tóm lược về huấn luyện đào tạo ANHK

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

## 4.3 Recruitment and employee background checks/ Tuyển dụng và thẩm tra lý lịch nhân viên

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/Nội dung khác biệt:*

# 5. QUALITY CONTROL PROGRAME/ KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG

Quality control programme — the development and implementation of this programme should be undertaken in line with the State’s NCASP (Circular 13) and the aircraft operator security programme. The implementation of quality control functions, including audits, inspections, tests and surveys, is essential to ensuring the maintenance and sustainability of effective aviation security measures in commercial air transport operations (guidance on aviation security quality control functions can be found in Chapter VII/Circular 13)./ Chương trình kiểm soát chất lượng - việc xây dựng và thực hiện chương trình kiểm soát chất lượng phải bảo đảm tuân thủ theo chương trình ANHK dân dụng Quốc gia (TT 13) và nhà khai thác tàu bay. Thực hiện việc kiểm soát chất lượng bao gồm: thanh tra, kiểm tra, thử nghiệm và khảo sát là điều cần thiết nhằm đảm bảo duy trì và phát triển bền vững các biện pháp an ninh có hiệu quả trong hoạt đông vận chuyển hàng không thương mại (hướng dẫn về chương trình kiểm soát chất lượng được quy định tại Chương VII/TT 13)

## 5.1 Policies, organizational structure/ quality control of aviation security/ Có chính sách, tổ chức/bộ máy kiểm soát chất lượng ANHK

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

## 5.2 Responsibility of people in charge of aviation security quality control/ Có quy định nhiệm vụ của người làm công tác kiểm soát chất lượng ANHK

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:.......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

## 5.3 Assessment activities of the foreign authorities and airlines in Vietnam must be allowed by the CAAV, after finishing the assessment, the result must be sent to the CAAV (Item 2, Article 107/Circular 13)/ Hoạt động đánh giá tại Việt Nam của nhà chức trách, hãng hàng không nước ngoài phải được Cục Hàng không Việt Nam cho phép, sau khi kết thúc đánh giá phải gửi kết quả về Cục Hàng không Việt Nam. (Khoản 2, [Điều 107/TT 13](file:///E:\Docs\Hung\Quy%20dinh\CTAN-Hang%20HKNN\_Cong%20cu%20tham%20dinh\VB%20vien%20dan\Thong%20tu%20so%2001.doc#Điều_104))

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK:........................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

## 5.4 Operation activites of the foreign airlines in Viet Nam are subjected to aviation security inspection, survey, evaluation, overt and covert test, and investigation by CAAV and its regional airport administration (Item 1, Article 106/Circular 13)/ Hoạt động khai thác của hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam phải chịu sự **kiểm tra, khảo sát, đánh giá, thử nghiệm công khai, bí mật, điều tra ANHK của Cục Hàng không Việt Nam và Cảng vụ hàng không tại sân bay Việt Nam (Khoản 1, Điều 106/TT 13).**

*Specified at what point/ Được quy định tại điểm nào trong Chương trình ANHK: .......................*

*Comply/ Tuân thủ:  Difference/ Khác biệt:*

*Content of AOSP which is different with Viet Nam regulations/ Nội dung khác biệt:*

**6. THE AIRLINE’S COMMITTAL/ CAM KẾT CỦA HÃNG HÀNG KHÔNG**

**Fully comply with the aviation security regulations of Vietnam when operating activites ofthe airlines in Viet Nam/ Tuân thủ đầy đủ các quy định về ANHK của Việt Nam khi hãng hàng không hoạt động khai thác tại Việt Nam**

*Fully comply/ Tuân thủ đầy đủ:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Signature of the person who complete the questionnaire**  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  **Name & title**  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ |  | **Signature and stamp of the Head of aviation security of the airlines**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**  **Name & title**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** |

-End-